

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Số: 834/CMT-HĐQT  
V/v CBTT báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015  
đã soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (mã chứng khoán PCE) công bố thông tin về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đã soát xét như tài liệu đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- P.TCKT;
- Đăng tin website;
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

BCTC 6 tháng đầu năm đã soát xét.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
THÀNH VIÊN HĐQT



Mai Minh Phương

**Deloitte.**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25

100  
CỔ  
CÁI  
PH  
VÀ  
M  
TUY K

172506  
ÔNG T  
NHIỆM H  
LOIT  
T NÀ  
A - T

100  
100

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG  
Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên
Ông Mai Minh Phương	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 02 năm 2015)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015

ST  
INC  
IP  
AP  
HO  
JAN  
EN  
OK



Số: 0012 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 7 năm 2015, từ trang 3 đến trang 25. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Đỗ Trung Kiên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 7 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.748.797.731</b>	<b>204.980.520.563</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>117.397.463.750</b>	<b>74.574.624.839</b>
1. Tiền	111		27.397.463.750	12.574.624.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	62.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>96.760.751.991</b>	<b>41.974.034.013</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	87.658.701.854	27.417.740.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.668.444.990	13.893.441.352
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	433.605.147	662.851.759
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>69.095.479.284</b>	<b>84.797.212.675</b>
1. Hàng tồn kho	141		70.576.646.512	85.078.588.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.481.167.228)	(281.375.937)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.495.102.706</b>	<b>3.634.649.036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.356.414	68.458.592
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.454.746.292	3.566.190.444
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>58.744.779.873</b>	<b>62.385.822.540</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.750.990.869</b>	<b>56.176.778.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	31.022.138.802	34.464.746.462
- Nguyên giá	222		68.534.042.470	68.496.242.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.511.903.668)	(34.031.496.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.728.852.067	21.712.032.455
- Nguyên giá	228		22.102.781.250	22.022.177.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(373.929.183)	(310.145.434)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>31.000.000</b>	<b>31.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		31.000.000	31.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.959.789.004</b>	<b>6.175.043.623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.959.789.004	6.175.043.623
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>345.493.577.604</b>	<b>267.366.343.103</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

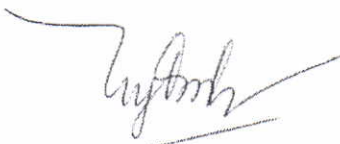


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>180.923.603.361</b>	<b>114.670.045.266</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>180.923.603.361</b>	<b>114.670.045.266</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	139.111.721.201	27.562.096.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	10.966.506.484	9.125.566.327
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.974.288.113	3.756.010.782
4. Phải trả người lao động	314		7.245.117.018	3.211.564.162
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.869.051.521	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.019.417.405	10.492.202.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	52.500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.737.501.619	8.022.604.368
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>164.569.974.243</b>	<b>152.696.297.837</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>164.569.974.243</b>	<b>152.696.297.837</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.228.444.713	22.228.444.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.341.529.530	30.467.853.124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.467.853.124	22.573.129.237
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.873.676.406	7.894.723.887
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>345.493.577.604</b>	<b>267.366.343.103</b>



Phan Thị Tuyết Minh  
 Người lập biểu

Ngày 24 tháng 7 năm 2015



Lê Thanh Viên  
 Kế toán trưởng



Cao Trung Kiên  
 Giám đốc

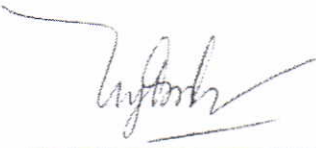
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

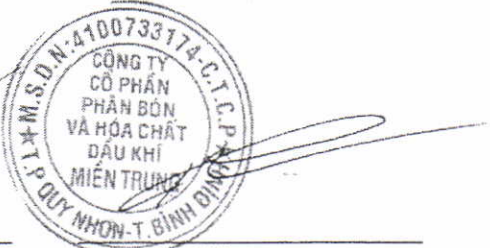
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
			đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.328.636.470.981	1.356.145.055.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	16.523.904.059	10.136.567.866
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.312.112.566.922	1.346.008.487.243
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.267.024.137.632	1.290.906.480.027
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.088.429.290	55.102.007.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.263.623.159	1.487.605.412
7. Chi phí tài chính	22		224.347.222	98.001.379
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		224.347.222	98.001.379
8. Chi phí bán hàng	25	23	16.055.680.721	13.491.653.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	14.933.453.796	14.473.326.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.138.570.710	28.526.630.739
11. Thu nhập khác	31		84.613.022	-
12. Chi phí khác	32		521.672	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		84.091.350	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.222.662.060	28.526.630.739
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	3.348.985.654	6.275.858.763
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.873.676.406	22.250.771.976
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.009	1.894

  
Phan Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

  
Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởng

  
Cao Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.222.662.060	28.526.630.739
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.544.191.409	3.461.756.270
Các khoản dự phòng	03	1.199.791.291	1.353.891.277
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.263.623.159)	(1.487.605.412)
Chi phí lãi vay	06	224.347.222	98.001.379
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.927.368.823	31.952.674.253
(Tăng) các khoản phải thu	09	(55.003.014.893)	(13.831.171.513)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	14.501.942.100	(5.013.447.497)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	134.573.712.169	54.027.531.593
(Tăng) chi phí trả trước	12	271.458.975	359.254.948
Tiền lãi vay đã trả	14	(256.972.222)	(98.001.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.833.711.979)	(5.137.006.078)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	370.371.700	9.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.655.474.449)	(5.133.826.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103.895.680.224	57.135.007.532
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(118.403.361)	(682.881.818)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.563.262.048	1.481.258.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.444.858.687	798.376.372
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.500.000.000)	(21.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.017.700.000)	(9.912.897.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.517.700.000)	(30.912.897.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	42.822.838.911	27.020.486.404
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	74.574.624.839	54.677.161.914
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	117.397.463.750	81.697.648.318

Phan Thị Tuyết Minh  
 Người lập biểu

Ngày 24 tháng 7 năm 2015

Lê Thanh Viên  
 Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên  
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 58 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 58 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoạt động tại Đăk Lăk và Quảng Nam.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và dự phòng phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	70.728.864	139.878.894
Tiền gửi ngân hàng	27.326.734.886	12.434.745.945
Các khoản tương đương tiền	90.000.000.000	62.000.000.000
	<u>117.397.463.750</u>	<u>74.574.624.839</u>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Phú Bình Gia Lai	12.699.835.580	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	13.238.764.875	-
Công ty TNHH Vinh Hoàng	27.828.858.500	2.582.113.310
Công Ty TNHH MTV Minh Tân	7.667.384.444	10.075.623.073
Các khách hàng khác	26.223.858.455	14.760.004.519
	<u>87.658.701.854</u>	<u>27.417.740.902</u>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<u>18.164.858.220</u>	<u>16.492.078.200</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.985.978.990	13.804.521.352
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	825.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.857.466.000	88.920.000
	<u>8.668.444.990</u>	<u>13.893.441.352</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<u>6.497.478.990</u>	<u>13.804.521.352</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi hệ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	170.000.000
Phải thu khác	433.605.147	492.851.759
	<b>433.605.147</b>	<b>662.851.759</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.088.319.083	-	-	-
Hàng hóa	68.488.327.429	(1.481.167.228)	85.078.588.612	(281.375.937)
<b>Cộng</b>	<b>70.576.646.512</b>	<b>(1.481.167.228)</b>	<b>85.078.588.612</b>	<b>(281.375.937)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 1.481.167.228 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	60.758.946.457	454.718.500	5.247.669.335	2.034.908.178	68.496.242.470
Mua sắm mới	-	-	-	37.800.000	37.800.000
Tại ngày 30/6/2015	60.758.946.457	454.718.500	5.247.669.335	2.072.708.178	68.534.042.470
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	30.024.562.929	396.976.016	1.902.120.370	1.707.836.693	34.031.496.008
Trích khấu hao trong kỳ	2.851.086.972	49.299.006	464.602.017	115.419.665	3.480.407.660
Tại ngày 30/6/2015	32.875.649.901	446.275.022	2.366.722.387	1.823.256.358	37.511.903.668
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2015	27.883.296.556	8.443.478	2.880.946.948	249.451.820	31.022.138.802
Tại ngày 31/12/2014	30.734.383.528	57.742.484	3.345.548.965	327.071.485	34.464.746.462

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 4.091.398.371 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.091.398.371 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	22.022.177.889	-	22.022.177.889
Mua sắm mới	-	80.603.361	80.603.361
Tại ngày 30/6/2015	22.022.177.889	80.603.361	22.102.781.250
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	310.145.434	-	310.145.434
Trích khấu hao trong kỳ	56.422.712	7.361.037	63.783.749
Tại ngày 30/6/2015	366.568.146	7.361.037	373.929.183
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>21.655.609.743</u>	<u>73.242.324</u>	<u>21.728.852.067</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>21.712.032.455</u>	-	<u>21.712.032.455</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.564.483.774	5.640.247.513
Chi phí trả trước dài hạn khác	395.305.230	534.796.110
	<u>5.959.789.004</u>	<u>6.175.043.623</u>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	132.217.601.360	24.512.226.211
Các nhà cung cấp khác	6.894.119.841	3.049.870.679
	<u>139.111.721.201</u>	<u>27.562.096.890</u>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<u>133.254.235.730</u>	<u>25.707.479.976</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** MẪU SỐ B 09-DN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Minh Tân	2.870.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.082.250.000	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	1.520.000.000	2.079.668.743
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Minh	2.980.000.000	808.127.370
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	2.235.000.000	2.637.699.203
Các khách hàng khác	279.256.484	3.600.071.011
	<b>10.966.506.484</b>	<b>9.125.566.327</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>3.952.250.000</b>	<b>624.100.477</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.183.987	-	11.183.987	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.306.076.897	3.348.985.654	4.833.711.979	1.821.350.572
Tiền thuê đất	-	49.200.000	49.200.000	-
Các loại thuế khác	438.749.898	1.160.938.773	1.446.751.130	152.937.541
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>438.749.898</i>	<i>1.155.938.773</i>	<i>1.441.751.130</i>	<i>152.937.541</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.756.010.782</b>	<b>4.559.124.427</b>	<b>6.340.847.096</b>	<b>1.974.288.113</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phí sử dụng thương hiệu phải trả Tập đoàn	548.223.824	-
Phí quản lý phải nộp Tổng Công ty	1.405.281.998	-
Trích trước chi phí tổ chức hội thảo tư vấn kỹ thuật và bán hàng	1.095.865.458	-
Chi phí phải trả khác	1.819.680.241	-
	<b>4.869.051.521</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại phải trả	12.665.160.946	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	325.648.080	481.500
Cố tức phải trả	-	10.017.700.000
Lãi vay phải trả	-	32.625.000
Phải trả ngắn hạn khác	28.608.379	441.396.237
	<b>13.019.417.405</b>	<b>10.492.202.737</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	100.000.000.000	9.064.298.037	7.134.377.658	22.922.237.050
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.198.460.122
Trích lập quỹ	-	6.029.769.018	-	(12.652.844.048)
Trả cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	100.000.000.000	15.094.067.055	7.134.377.658	30.467.853.124
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200	-	7.134.377.658	(7.134.377.658)	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	22.228.444.713	-	30.467.853.124
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.873.676.406
Số dư tại ngày 30/6/2015	100.000.000.000	22.228.444.713	-	42.341.529.530

**Cổ phiếu**

	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

Số: 01/2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ (%)	30/6/2015 VND
Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Doanh thu phân bón	1.308.363.465.000	1.344.006.053.587
Doanh thu hóa chất	6.552.238.000	2.157.752.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.720.767.981	9.981.249.522
	<b>1.328.636.470.981</b>	<b>1.356.145.055.109</b>
Chiết khấu thương mại	16.523.904.059	10.136.567.866
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.312.112.566.922</b>	<b>1.346.008.487.243</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>501.351.238.269</b>	<b>459.959.916.622</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Giá vốn phân bón	1.247.050.912.855	1.278.797.675.417
Giá vốn hóa chất	6.298.040.000	2.016.884.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.675.184.777	10.091.920.610
	<b>1.267.024.137.632</b>	<b>1.290.906.480.027</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	13.905.941.951	12.460.181.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.544.191.409	3.461.756.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.044.306.075	8.777.327.382
Chi phí khác bằng tiền	4.539.537.513	4.085.312.582
	<b>32.033.976.948</b>	<b>28.784.578.101</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	5.578.097.885	5.021.766.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.046.769.055	2.137.901.137
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.430.813.781	6.331.986.381
	<b>16.055.680.721</b>	<b>13.491.653.885</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.327.844.066	7.438.415.500
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.605.609.730	7.034.911.125
	<b>14.933.453.796</b>	<b>14.473.326.625</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.222.662.060	28.526.630.739
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	-	-
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.222.662.060</b>	<b>28.526.630.739</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.348.985.654</b>	<b>6.275.858.763</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.873.676.406	22.250.771.976
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1.781.051.461	3.311.537.515
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.092.624.945	18.939.234.461
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.009</u>	<u>1.894</u>

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	75.763.739	75.763.739

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m<sup>2</sup>/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.397.463.750	74.574.624.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.671.987.001	28.080.476.052
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.069.450.751</b>	<b>102.655.100.891</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	52.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	151.805.490.526	38.053.818.127
Chi phí phải trả	4.869.051.521	-
Dự phòng phải trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.674.542.047</b>	<b>90.553.818.127</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

1007  
 CÔNG  
 CỔ P  
 PHÂN  
 HÓA  
 DẦU  
 KHÍ  
 MIỀN  
 TRUNG

11  
 C  
 PH  
 A  
 D  
 MI  
 WH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/6/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.397.463.750	-	117.397.463.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.671.987.001	-	87.671.987.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.069.450.751</b>	<b>-</b>	<b>205.069.450.751</b>
<b>30/6/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	151.805.490.526	-	151.805.490.526
Chi phí phải trả	4.869.051.521	-	4.869.051.521
Dự phòng phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.674.542.047</b>	<b>-</b>	<b>156.674.542.047</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>48.394.908.704</b>	<b>-</b>	<b>48.394.908.704</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.574.624.839	-	74.574.624.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.080.476.052	-	28.080.476.052
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.655.100.891</b>	<b>-</b>	<b>102.655.100.891</b>
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	52.500.000.000	-	52.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	38.053.818.127	-	38.053.818.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.553.818.127</b>	<b>-</b>	<b>90.553.818.127</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.101.282.764</b>	<b>-</b>	<b>12.101.282.764</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Hoá Chất Đà Nẵng	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Thành viên góp vốn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÀU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>488.303.326.600</b>	<b>450.087.486.416</b>
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	33.588.943.600	25.747.252.259
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	25.939.000.000	30.910.110.709
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	6.552.238.000	2.258.952.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	7.770.000	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	422.215.375.000	391.171.171.448
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.047.911.669</b>	<b>9.872.430.206</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	5.179.952.557	1.238.296.804
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	7.621.970.791	8.355.763.008
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	198.911.553	88.899.149
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	134.742.990
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	9.057.550
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	7.959.375
Công ty TNHH MTV Minh Tân	47.076.768	37.711.330
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>1.188.592.135.789</b>	<b>1.191.933.392.058</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	790.947.438.254	941.583.022.031
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	503.750.000	13.944.379.048
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	339.659.334.123	122.229.511.041
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	386.708.807	504.820.426
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	107.040.000	37.400.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	26.777.047.619
Công ty TNHH MTV Minh Tân	56.903.264.605	86.857.211.893
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	84.600.000	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.500.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** MÃU SỐ B 09-DN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>18.164.858.220</b>	<b>16.492.078.200</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.328.849.049	6.372.455.127
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.243.245.960	44.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	17.582.807	-
Công Ty Cổ Phần Hóa Phẩm Dầu Khí DMC - Miền Trung	4.907.795.960	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	7.667.384.444	10.075.623.073
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>6.497.478.990</b>	<b>13.804.521.352</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.985.978.990	13.804.521.352
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	511.500.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>230.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	170.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	60.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>133.254.235.730</b>	<b>25.707.479.976</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	86.971.484	35.747.605
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	125.010.600	1.017.765.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	824.652.286	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	37.400.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	-	104.341.160
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	132.217.601.360	24.512.226.211
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>3.952.250.000</b>	<b>624.100.477</b>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	305.981.977
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	318.118.500
Công ty TNHH MTV Minh Tân	2.870.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.082.250.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>8.290.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	-	490.000.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	300.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.445.161.872	2.602.739.026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

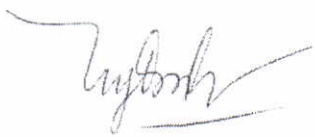
**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

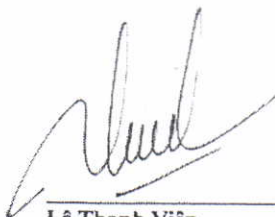
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty. Các số liệu này chưa được soát xét hoặc kiểm toán.



**Phan Thị Tuyết Minh**  
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 7 năm 2015



**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng



**Cao Trung Kiên**  
Giám đốc